

Số: 251 /QĐ-UBND

Gia Lai, ngày 17 tháng 3 năm 2021

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc công bố danh mục gồm 02 thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực văn hoá thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND các huyện, thị xã, thành phố**

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương 19/6/2015;*

*Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch tại Tờ trình số 26/TTr-SVHTTDL ngày 11/3/2021.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Công bố kèm theo Quyết định này danh mục gồm 02 thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực văn hoá thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND các huyện, thị xã, thành phố theo Quyết định số 820/QĐ-BVHTTDL ngày 09/3/2021 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về việc công bố thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực văn hoá thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. *(Phụ lục kèm theo).*

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. *[Chữ ký]*

**Nơi nhận:**

- Như Điều 2;
- Cục Kiểm soát TTHC- Văn phòng Chính phủ;
- Chủ tịch và các PCT.UBND tỉnh;
- Công thông tin điện tử tỉnh;
- Sở Thông tin và Truyền thông (Phòng CNTT);
- Công thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT, NC.

**CHỦ TỊCH**



*[Chữ ký]*  
**Võ Ngọc Thành**



**PHỤ LỤC**  
**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH SỬA ĐỔI, BỔ SUNG THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT**  
**CỦA UBND CÁC HUYỆN, THỊ XÃ, THÀNH PHỐ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH GIA LAI**  
*(Ban hành kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày tháng 3 năm 2021 của Chủ tịch UBND tỉnh Gia Lai)*

TT	Tên thủ tục hành chính	Mã thủ tục	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
01	Thủ tục cấp Giấy phép đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ karaoke (do cơ quan quản lý nhà nước về văn hoá cấp huyện cấp)	<b>1.000903</b>	05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định	Nộp trực tiếp, trực tuyến hoặc qua bưu chính công ích đến Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND các huyện, thị xã, thành phố	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tại các thành phố trực thuộc trung ương và tại các thành phố, thị xã trực thuộc tỉnh: 18</li> <li>+ Từ 01 đến 03 phòng: 4.000.000 đồng/giấy.</li> <li>+ Từ 04 đến 05 phòng: 6.000.000 đồng/giấy.</li> <li>+ Từ 06 phòng trở lên: 12.000.000 đồng/giấy.</li> <li>- Tại khu vực khác</li> <li>+ Từ 01 đến 03 phòng: 2.000.000 đồng/giấy.</li> <li>+ Từ 04 đến 05 phòng: 3.000.000 đồng/giấy.</li> <li>+ Từ 06 phòng trở lên: 6.000.000 đồng/giấy</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghị định số 54/2019/NĐ-CP ngày 19/6/2019 của Chính phủ quy định về kinh doanh dịch vụ karaoke, dịch vụ vũ trường. Có hiệu lực thi hành từ ngày 01/9/2019.</li> <li>- Thông tư số 01/2021/TT-BTC ngày 07/01/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định cấp Giấy phép kinh doanh karaoke, vũ trường. Có hiệu lực thi hành từ ngày 25/02/2021.</li> </ul>



02	Thủ tục cấp Giấy phép điều chỉnh Giấy phép đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ karaoke (do cơ quan quản lý nhà nước về văn hoá cấp huyện cấp)	<b>1.000831</b>	04 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định		<ul style="list-style-type: none"><li>- Tại các thành phố trực thuộc trung ương và tại các thành phố, thị xã trực thuộc tỉnh: Đối với trường hợp đã được cấp phép kinh doanh karaoke đề nghị tăng thêm phòng là 2.000.000 đồng/phòng, nhưng tổng mức thu không quá 12.000.000 đồng/giấy phép/lần thẩm định.</li><li>- Tại khu vực khác: Đối với trường hợp đã được cấp phép kinh doanh karaoke đề nghị tăng thêm phòng là 1.000.000 đồng/phòng, nhưng tổng mức thu không quá 6.000.000 đồng/giấy phép/lần thẩm định.</li><li>- Mức thu phí thẩm định điều chỉnh giấy phép đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ karaoke đối với trường hợp thay đổi chủ sở hữu là 500.000 đồng/giấy.</li></ul>	
----	---	-----------------	--	--	--	--